

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2020.
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; Ông Phạm Quang Quý.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Lê Thuần Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST - HNGĐ ngày 04/8/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST - DS ngày 26/10/2020 giữa các đương sự: - *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H. Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2020, bản tự khai ngày 06/8/2020 và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2009 tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau một thời gian chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt trong cách sống, tính cách vợ chồng không hợp nhau dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không thể đạt được nữa nên anh T làm đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Nguyễn Hà G, sinh ngày 16/01/2012. Con thứ hai tên là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 16/6/2014. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung như sau: Một mảnh vườn hơn hai sào tại xóm P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay vợ chồng dựng nhà trên đất để ở; Một nhà gỗ hai gian lợp ngói; Một xe máy hiệu Honda mua năm 2007; Một tủ lạnh; Một bộ bếp ga; Một bộ chăn nệm. Yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2020, anh T có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện. Anh T xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn chị Lê Thị H tại bản tự khai ngày 07/8/2020 và tại phiên tòa ngày hôm nay, trình bày:

Chị H thừa nhận điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như anh T trình bày là đúng thực tế. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay anh T làm đơn xin ly hôn thì chị H đồng ý thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng thực tế. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị H có 01 con riêng tên là Hồ Thị H D, sinh ngày 05/11/2006. Hiện nay đang do chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật; bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Lê Thị H.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Bảo D (sinh ngày 16/6/2014) cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi T niên, giao cháu Nguyễn Hà G (sinh ngày 16/01/2012) cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án tại biên lai số AA/2019/00044566 ngày 04/8/2020 của Chi cục THADS H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị H có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã P, huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2009 tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T có yêu cầu xin ly hôn với chị H và chị H đồng ý thuận tình ly hôn với anh T. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị H.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Nguyễn Hà G, sinh ngày 16/01/2012. Con thứ hai tên là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 16/6/2014. Anh T và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. HĐXX thấy rằng: Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển khỏe mạnh, bình thường. Theo quan điểm của chính quyền địa phương UBND xã P, huyện H thì cả anh T và chị H đều có đủ điều kiện để nuôi con như nhau, nên giao mỗi người nuôi 01

con chung để đảm bảo quyền lợi ngang nhau. Trên thực tế hiện nay chị H đang nuôi 01 người con riêng tên là Hồ Thị H D, sinh ngày 05/11/2006. Nếu giao cả 02 con cho chị H nuôi dưỡng thì không thể đảm bảo điều kiện về mọi mặt để nuôi con. Do đó giao mỗi người nuôi một con cho đến khi các con đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi ngang nhau là hoàn toàn hợp lý. Đồng thời, theo bản tự khai ngày 24/9/2020, nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà G là được ở với mẹ. Điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Nguyễn Hà G cho mẹ và giao cháu Nguyễn Bảo D cho bố nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị H đều không yêu cầu hai bên phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên HĐXX không xem xét. Hai bên đương sự có quyền đi lại thăm nom con chung lẫn nhau, không ai được quyền ngăn cấm là phù hợp với Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Hà G, sinh ngày 16/01/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Bảo D, sinh ngày 16/6/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Hà được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004566 ngày 04/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Minh

Phạm Quang Quý

Lê Văn Phú

